

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 20-12-2024

V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hủy hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Triều

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Bà Nguyễn Thị Diệp Thuý

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hà Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2024/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hủy hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 310/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 618/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1977. (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Kim H1, sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Thanh P, sinh năm 1972. (có mặt)

Địa chỉ: I L, phường F, thành phố M, Tiền Giang.

2. Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1999. (vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1976. (xin vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1954. (xin vắng mặt)

5. Bà Phạm Thị B, sinh năm 1958. (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố L, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

6. Văn phòng C. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: N, khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyễn đơn Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị H1 cưới năm 1997, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T. Sau khi cưới, vợ chồng anh sống chung nhà cùng gia đình anh tại khu phố L, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Khoảng vài năm sau, ba mẹ anh cho vợ chồng anh cất nhà ra ở riêng trên phần đất hiện thuộc thửa số 226 cho đến nay. Anh đi làm thợ hồ, chị H1 ở nhà làm nội trợ. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do chị H1 ngoại tình dẫn đến vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng nhưng vì thương con nên anh bỏ qua để tiếp tục chung sống. Đến khoảng năm 2022, vợ chồng anh xảy ra nhiều bất đồng về việc nuôi dạy các con nên phát sinh mâu thuẫn và anh đã ra sống riêng ngụ cùng khu phố. Hiện anh và chị H1 đã sống ly thân và không thể hàn gắn tình cảm nên anh yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị H1 chung sống có 03 người con chung gồm: Nguyễn Minh T, sinh năm 1999; Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 2006 hiện đều đã trưởng thành và Nguyễn Trường L, sinh ngày 30/6/2007 hiện sống cùng chị H1. Ly hôn, anh giao cháu L cho chị H1 tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung:

+ Anh và chị H1 có xây được 01 ngôi nhà cấp 4 kiên cố cùng mái che, nhà vệ sinh và chuồng nuôi dê trên 02 thửa đất số 221 và 226, cùng tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại khu phố L, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Ly hôn, anh đồng ý giao cho chị H1 được toàn quyền sở hữu căn nhà cấp 4 cùng công trình phụ trên đất.

+ Đối với yêu cầu phân tố của chị H1: Anh xác định 01 xe máy Dream (Trung Quốc) biển số 63K6-1732 mua của anh Nguyễn Văn T1 hiện chưa sang tên, 02 tivi hiệu TCL 40inch, 01 tủ lạnh hiệu Sharp và 01 tủ lạnh hiệu Panasonic đều là tài sản chung vợ chồng nên anh đồng ý chia đôi theo yêu cầu của chị H1, anh đã giao cho chị H1 01 tivi hiệu TCL 40inch, 01 tủ lạnh hiệu Sharp hiện chị H1 đang sử dụng; anh yêu cầu được nhận xe máy này để có phương tiện đi lại.

+ Đối với xe máy Dream (N), anh không nhớ biển số, do vợ chồng anh mua ở huyện G với giá 15.000.000 đồng, hiện do anh đứng tên nhưng anh đã bán cho

01 người lạ mặt và chưa làm thủ tục sang tên với giá 6.000.000 đồng để chi tiêu, trị bệnh sau khi anh dọn ra sống riêng nên anh không đồng ý chia, khi bán thì anh không cho chị H1 biết.

+ Đối với giàn giáo, máy đục bê tông, máy trộn hồ và cây chống tăng thì trước đây do làm thợ hồ nên anh mua lại đồ cũ để xây nhà thuê với số lượng như chị H1 trình bày. Do anh không đi làm hồ nữa và đồ cũng đã cũ nên anh đã bán ve chai được khoảng 5-6 triệu đồng sau khi anh dọn ra sống riêng và cũng sử dụng số tiền này để chi tiêu và trị bệnh, hiện không còn nên anh không đồng ý chia, khi bán số tài sản này thì anh cũng không cho chị H1 biết.

+ Đối với số tiền 150.000.000 đồng là tài sản riêng của anh nên anh không đồng ý chia. Nguồn gốc số tiền này là anh được chia phần quyền sử dụng đất trong hộ do ba anh là ông Nguyễn Văn V đại diện hộ đứng tên với giá trị 200.000.000 đồng vào năm 2022. Anh đã sử dụng để trả nợ ngân hàng và chi tiêu trong gia đình, số tiền còn lại là 150.000.000 đồng thì anh gửi Ngân hàng C1 - Phòng giao dịch huyện G. Sau khi anh dọn ra sống riêng thì anh đã rút toàn bộ số tiền này để chi tiêu, trị bệnh và trả nợ; do đây là tiền của anh nên khi rút ra sử dụng thì anh không cho chị H1 biết.

+ Anh xác định quyền sử dụng 02 thửa đất số 221 và 226 nêu trên hiện chị H1 đang quản lý, sử dụng đều là tài sản riêng của anh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02943 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 24/5/2023 đối với thửa đất số 221, tờ bản đồ số 11, diện tích 127,2m² loại đất trồng cây lâu năm và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01351 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 30/9/2014 đối với thửa đất số 226, tờ bản đồ số 11, diện tích 234,7m² loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm. Nguồn gốc 02 thửa đất nêu trên do ba mẹ anh tặng cho riêng anh. Đến năm 2023, anh đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 02 thửa đất này cho anh Lê Thanh P với giá 100.000.000 đồng nhưng anh không có bán ngôi nhà cấp 4 trên đất cho anh P như văn bản anh đã cung cấp; bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 thửa đất số 221 và 226 hiện anh đã giao cho anh P cất giữ. Nay anh không đồng ý với yêu cầu phản tố của chị H1 về việc xác định quyền sử dụng 02 thửa đất này là tài sản chung của vợ chồng.

- Về nợ chung: Không có.

* *Bị đơn chị Lê Thị Kim H1 có yêu cầu phản tố trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh H về thời gian kết hôn. Sau khi cưới, chị về sống cùng gia đình chồng tại khu phố L, thị trấn T, huyện G khoảng 02 năm thì được gia đình chồng cho đất để vợ chồng cất nhà ra riêng cho đến nay. Chị đi làm thuê, anh H đi làm hồ. Cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh H bỏ nhà đi theo người phụ nữ khác khoảng 10 năm, đến năm 2018, anh H quay trở về hàn gắn tình cảm với chị và chung sống đến năm 2021 thì anh H tiếp tục có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác ngụ xã B và dọn ra sống riêng từ tháng 6/2022 đến nay. Khi chị thấy anh H liên lạc với người phụ nữ này thì chị

có hỏi và anh H đánh chị. Hiện vợ chồng chị đã sống ly thân và không còn tình cảm với nhau nên chị đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh H chung sống có 03 người con như anh H trình bày. Ly hôn, chị đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung:

Đối với ngôi nhà cấp 4 cùng mái che, nhà vệ sinh và chuồng dê cất trên 02 thửa đất số 221 và 226 là tài sản chung của chị và anh H. Nay anh H đồng ý giao cho chị được toàn quyền sở hữu căn nhà cùng công trình phụ trên đất thì chị đồng ý nhận nhưng do không thể di dời nên chị yêu cầu được nhận bằng giá trị.

Năm 2022, ba anh H chia cho vợ chồng chị số tiền 200.000.000 đồng và quyền sử dụng thửa đất số 221 do thỏa thuận phân chia đất trong hộ, sau khi trừ chi phí thuê luật sư là 35.000.000 đồng, còn lại số tiền 165.000.000 đồng, anh H bán thêm 02 chỉ vàng 24K_r được tổng cộng là 173.000.000 đồng đem gửi Ngân hàng C1 - Phòng giao dịch huyện G. Sau đó, vợ chồng chị trả ngân hàng số tiền 23.000.000 đồng đã vay vào năm 2018 để xây nhà, toàn bộ số tiền còn lại anh H tự ý rút ra tiêu xài cá nhân mà không cho chị biết. Nay chị xác định số tiền 150.000.000 đồng là tài sản chung vợ chồng nên chị yêu cầu chia đôi và buộc anh H giao lại chị số tiền 75.000.000 đồng.

Chị và anh H đã thỏa thuận phân chia và giao nhận xong đối với 01 tủ lạnh hiệu Sharp, 01 tủ lạnh hiệu Panasonic và 02 tivi hiệu TCL 40inch nên chị rút lại yêu cầu phản tố về việc phân chia số tài sản chung này.

Đối với xe máy Dream (N), không rõ biển số, mà vợ chồng chị đã mua và 10 cặp giày da, 50 cây chống tăng, 02 máy trộn hồ, 02 máy đục bê tông (loại lớn): Khi bán số tài sản này anh H không cho chị hay và anh H đã sử dụng tiền để chi tiêu riêng nên chị yêu cầu anh H hoàn lại cho chị 1/2 giá trị theo giá mà Hội đồng định giá đã định.

Ngoài ra, vợ chồng chị còn có chung quyền sử dụng 02 thửa đất số 226 và 221 nêu trên. Hai thửa đất này hiện do anh H đứng tên nhưng khi tặng cho, ba mẹ anh H xác định tặng cho vợ chồng chị cùng các con để cất nhà sinh sống chứ không chỉ tặng cho riêng anh H; hơn nữa, vợ chồng chị đã cùng nhau quản lý, sử dụng thửa đất số 226 và cất nhà sinh sống từ trước đến nay, đối với thửa đất số 221 thì vợ chồng chị được ba mẹ anh H tặng cho thêm vào năm 2022. Ngày 20/11/2023, chị phản tố yêu cầu công nhận quyền sử dụng 02 thửa đất này là tài sản chung của chị và anh H; yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 02 thửa đất này giữa anh H và anh P và yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận về việc mua bán tài sản gắn liền với đất lập ngày 06/10/2023 giữa anh H và anh P đối với tài sản trên thửa đất số 226. Tại phiên tòa, chị rút lại phần yêu cầu phản tố này.

Đối với bộ bàn ghế gỗ trị giá khoảng 25.000.000 đồng và 02 cây mai vàng trên đất thì chị không yêu cầu Tòa án phân chia mà để vợ chồng tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Thanh P trình bày:

Anh H đã chuyển nhượng cho anh quyền sử dụng 02 thửa đất số 221 và 226 nêu trên với giá 100.000.000 đồng vào tháng 6/2023, anh có giao trước số tiền cọc là 20.000.000 đồng, đến tháng 10/2023 hai bên tiến hành ký hợp đồng tại Văn phòng C (thị trấn V, huyện G) thì anh đã giao thêm cho anh H số tiền 80.000.000 đồng. Hai bên không thỏa thuận chuyển nhượng ngôi nhà trên đất nên nếu anh H hoặc chị H1 được giao quyền sở hữu ngôi nhà này cùng công trình phụ trên đất thì anh không có ý kiến gì nhưng khi thủ tục chuyển nhượng đất giữa anh và anh H đã hoàn tất thì anh yêu cầu chủ sở hữu nhà phải di dời để trả lại đất cho anh. Thời điểm anh mua 02 thửa đất này thì anh không biết chị H1 và anh H đang tranh chấp; hơn nữa việc chuyển nhượng đất giữa hai bên có lập hợp đồng và được công chứng theo đúng quy định pháp luật, anh H cho biết 02 thửa đất này là tài sản riêng của anh H được cha mẹ tặng cho riêng nên anh mới đồng ý mua. Nay chị H1 rút lại yêu cầu phản tố như nêu trên thì anh không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại Bản án sơ thẩm số 310/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ: Các Điều 33, 51, 55, 59, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 và điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Kim H1.

2. Về nuôi con chung:

- Chị H1 được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trường L, sinh ngày 30/6/2007.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận chị H1 không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

- Đối với 02 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh năm 1999 và Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 2006 hiện đều đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung:

3.1. Đình chỉ phần yêu cầu phản tố của chị Lê Thị Kim H1 về việc:

- Phân chia tài sản chung đối với: 01 tủ lạnh hiệu Sharp, 01 tủ lạnh hiệu Panasonic và 02 tivi hiệu TCL 40inch.

- Công nhận quyền sử dụng 02 thửa đất 221 và 226 nêu trên là tài sản chung vợ chồng.

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng số 007335 quyền số 10/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/10/2023 tại Văn phòng C giữa bên chuyển nhượng là anh Nguyễn Văn H và bên nhận chuyển nhượng là anh Lê Thanh P đối với 02 thửa đất 221 và 226 nêu trên.

- Hủy văn bản thỏa thuận về việc mua bán tài sản gắn liền với đất lập ngày 06/10/2023 giữa anh Nguyễn Văn H và anh Lê Thanh P đối với tài sản trên thửa đất số 226 nêu trên.

3.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc chia tài sản chung:

- Chia cho anh H được quyền sở hữu: Căn nhà cấp 4 (gồm: nhà trên dèng để ở có diện tích 96,36m² và nhà sau có diện tích 21,9m²), mái che có diện tích 55,2m² và chuồng dê có diện tích 35m² được cất trên 02 thửa đất số 221 và 226, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại khu phố L, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang cùng 01 xe máy Dream (Trung Quốc), biển số 63K6-1732.

- Anh H có trách nhiệm hoàn lại chị H1 số tiền 369.173.000 (Ba trăm sáu mươi chín triệu một trăm bảy mươi ba nghìn) đồng.

Chị Lê Thị Kim H1 cùng anh Nguyễn Minh T và Nguyễn Trường L được quyền lưu cư tại nhà đất thuộc 02 thửa số 221 và 226 nêu trên trong thời hạn 03 (ba) tháng, tính kể từ khi án có hiệu lực pháp luật. Việc giao trả nhà đất được thực hiện ngay khi hết thời hạn lưu cư.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian thi hành án.

3.3. Không chấp nhận phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc chia đôi số tiền 150.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

- Ngày 11/10/2024, nguyên đơn đơn Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của TAND huyện G, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận giao nhà cho chị H1 anh không đồng ý bồi hoàn cho chị H1 số tiền 369.173.000 (Ba trăm sáu mươi chín triệu một trăm bảy mươi ba nghìn).

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Anh H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, chị H1 không đồng ý yêu cầu kháng cáo của anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa anh H không cung cấp thêm chứng cứ gì mới do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về thời hạn kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hủy hợp đồng mua bán tài sản”.

[3] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H, bị đơn chị Lê Thị Kim H1, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Thanh P tất cả đều có mặt, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn V, Phạm Thị B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và có đơn xin vắng mặt căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về nội dung kháng cáo anh Nguyễn Văn H yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng anh chấp nhận giao nhà cho chị H1 anh không đồng ý bồi hoàn cho chị H1 số tiền 369.173.000 (Ba trăm sáu mươi chín triệu một trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy: Tài sản chung của vợ chồng anh H chị H1 có chung quyền sử dụng 02 thửa đất số 226 và 221 nêu trên. Hai thửa đất này hiện do anh H đứng tên nhưng khi tặng cho, ba mẹ anh H xác định tặng cho vợ chồng chị cùng các con để cất nhà sinh sống chứ không chỉ tặng cho riêng anh H; hơn nữa, vợ chồng chị đã cùng nhau quản lý, sử dụng thửa đất số 226 và cất nhà sinh sống từ trước đến nay, đối với thửa đất số 221 thì vợ chồng chị được ba mẹ anh H tặng cho thêm vào năm 2022.

Trong quá trình chung sống anh H tự ý chuyển nhượng hai phần đất này cho anh P mà không có sự đồng ý của chị H là thiệt thòi rất nhiều đến quyền và lợi ích chị H.

Tại giai đoạn sơ thẩm ngày 20/11/2023, chị phản tố yêu cầu công nhận quyền sử dụng 02 thửa đất này là tài sản chung của chị và anh H; yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 02 thửa đất này giữa anh H và anh P và yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận về việc mua bán tài sản gắn liền với đất lập ngày 06/10/2023 giữa anh H và anh P đối với tài sản trên thửa đất số 226. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H rút lại phần yêu cầu phản tố này, cấp sơ thẩm đã đình chỉ. Chị H chỉ chấp nhận nhận số tiền 369.173.000 để nuôi con là có lợi cho anh H.

Qua yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn H là không có cơ sở bởi các lý do: Ngôi nhà cấp 4 cùng mái che, nhà vệ sinh và chuồng dê cất trên 02 thửa đất số 221 và 226 là tài sản chung của chị và anh H. Nay anh H đồng ý giao cho chị được toàn quyền sở hữu căn nhà cùng công trình phụ trên đất, nhưng phần đất 02 thửa đất số 221 và 226 anh H đã bán cho anh P và anh đã nhận tiền từ anh P, nếu giao nhà cho chị H1 ở đến khi giao đất cho anh P, anh P buộc chị H1 phải dỡ nhà đi chị H1 yêu cầu được nhận bằng giá trị là có cơ sở.

Đồng thời tại cấp sơ thẩm chị H1 có các yêu cầu phản tố, nhưng sau đó chị rút yêu cầu Tòa cấp sơ thẩm đã đình chỉ đối với các yêu cầu phản tố này. Tuy nhiên trong quyết định bản án sơ thẩm lại không tuyên đương sự có quyền khởi kiện lại các yêu cầu này là thiếu sót, do đó cần bổ sung vào phần quyết định bản án.

Đối với yêu cầu kháng cáo của anh H là không có cơ sở do đó cần bác yêu cầu kháng cáo của anh H.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 188, Điều 195 Luật đất đai, Điều 166, Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn H.

- Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 310/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Kim H1.

2. Về nuôi con chung:

- Chị H1 được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trường L, sinh ngày 30/6/2007.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận chị H1 không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

- Đối với 02 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh năm 1999 và Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 2006 hiện đều đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung:

3.1. Đình chỉ phần yêu cầu phản tố của chị Lê Thị Kim H1 về các yêu cầu sau:

+ Phân chia tài sản chung đối với: 01 tủ lạnh hiệu Sharp, 01 tủ lạnh hiệu Panasonic và 02 tivi hiệu TCL 40inch.

+ Công nhận quyền sử dụng 02 thửa đất 221 và 226 nêu trên là tài sản chung vợ chồng.

+ Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng số 007335 quyền số 10/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/10/2023 tại Văn phòng C giữa bên chuyển nhượng là anh Nguyễn Văn H và bên nhận chuyển nhượng là anh Lê Thanh P đối với 02 thửa đất 221 và 226 nêu trên.

+ Hủy văn bản thỏa thuận về việc mua bán tài sản gắn liền với đất lập ngày 06/10/2023 giữa anh Nguyễn Văn H và anh Lê Thanh P đối với tài sản trên thửa đất số 226 nêu trên.

Chị H1 được quyền khởi kiện lại các yêu cầu trên nếu thời hiệu vẫn còn.

3.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc chia tài sản chung:

- Chia cho anh H được quyền sở hữu: Căn nhà cấp 4 (gồm: nhà trên dùmng để ở có diện tích 96,36m² và nhà sau có diện tích 21,9m²), mái che có diện tích 55,2m² và chuồng dê có diện tích 35m² được cất trên 02 thửa đất số 221 và 226, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại khu phố L, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang cùng 01 xe máy Dream (Trung Quốc), biển số 63K6-1732.

- Anh H có trách nhiệm hoàn lại chị H1 số tiền 369.173.000 (Ba trăm sáu mươi chín triệu một trăm bảy mươi ba nghìn) đồng.

Chị Lê Thị Kim H1 cùng anh Nguyễn Minh T và Nguyễn Trường L được quyền lưu cư tại nhà đất thuộc 02 thửa số 221 và 226 nêu trên trong thời hạn 03 (ba) tháng, tính kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Việc giao trả nhà đất được thực hiện ngay khi hết thời hạn lưu cư.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian thi hành án.

3.3. Không chấp nhận phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc chia đôi số tiền 150.000.000 đồng.

4/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đồng án phí phúc thẩm, 150.000đồng án phí ly hôn và 5.865.000đồng án phí chia tài sản chung. Tổng cộng là 6.315.000đồng án phí sơ thẩm, anh H đã đóng số tiền tạm ứng án phí là 1.850.000đồng theo các biên lai thu số 0028998 ngày 02/10/2023, biên lai thu số 0013651, ngày 11/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, sau khi được cản trừ anh H còn phải nộp tiếp số tiền là 4.465.000đồng (bốn triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) án phí.

Chị H1 phải chịu 150.000đồng án phí ly hôn và 18.458.650đồng án phí chia tài sản chung. Tổng cộng là 18.608.650đồng án phí sơ thẩm, chị H1 đã đóng số tiền tạm ứng án phí là 4.137.500đồng theo các biên lai thu số 0013035 ngày 20/11/2023, biên lai thu số 0013364, ngày 25/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, sau khi được cản trừ chị H1 còn phải nộp tiếp số tiền là 14.471.150 đồng (Mười bốn triệu, bốn trăm bảy mươi một ngàn một trăm năm mươi đồng) án phí.

3/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 13 giờ 30 ngày 20/12/2024 có mặt anh H, chị H1, anh P.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G.
- CCTHADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Triều